

# **BÀI MỞ ĐẦU (1 tiết)**

## **I. MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA CỦA MÔN HỌC QUẢN TRỊ TRANG TRẠI**

Trong những năm gần đây, với sự nỗ lực của chính phủ và sự hỗ trợ của nhiều tổ chức Quốc tế, nền kinh tế nước ta có những chuyển biến tích cực và đạt được những thành tựu nổi bật, đặc biệt là trong công tác xóa đói giảm nghèo. Trong vòng mười năm, từ 1990 đến 2001, tỉ lệ nghèo đói đã giảm hơn một nửa. Việt Nam được các nước trên thế giới cũng như các tổ chức quốc tế đánh giá rất cao về những nỗ lực trong công tác xóa đói giảm nghèo. Tỉ lệ nghèo đói trên cả nước chỉ còn khoảng 26% vào năm 2003 (báo cáo của ngân hàng thế giới)

Đạt được thành tựu đó là nhờ sự chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế nông thôn, từ nền kinh tế tự cấp tự túc, sản xuất nhỏ lẻ manh mún sang nền nền kinh tế thị trường, trong đó sản xuất hàng hoá trở thành mục tiêu chủ đạo. Trong xu thế đó, cùng với các chủ trương, chính sách của nhà nước, hình thức kinh tế trang trại, với qui mô sản xuất hàng hoá đã và đang phát triển mạnh mẽ trên khắp cả nước. Tuy nhiên, do năng lực quản lý của các chủ trang trại không theo kịp qui với qui mô phát triển của trang trại, nên nhiều trang trại sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.

Nông thôn nước ta vẫn cần được hỗ trợ hơn nữa để tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, những tác động vào nông thôn bây giờ và trong tương lai không chỉ dừng ở mục tiêu xóa nghèo đói mà còn hướng đến mục tiêu giúp cho nông dân làm giàu. Vì vậy, những cán bộ làm việc với nông thôn cần phải có những kiến thức nhất định để đáp ứng yêu cầu phát triển của các vùng nông thôn.

Trước yêu cầu thực tiễn đặt ra, môn học quản trị trang trại ra đời nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành KN-PTNT những kiến thức cơ bản về quản trị trang trại để họ có thể thực hiện tốt chức năng là một cán bộ KN-PTNT sau này.

Môn học này đã được đưa vào giảng dạy cho các sinh viên chuyên ngành nông nghiệp ở nhiều nước như Đức, Thái lan, Philippine,... từ trước những năm 90. Ở nước ta môn học này còn tương đối mới. Tuy nhiên, đã có một số môn học khác đề cập đến nội dung quản trị trang trại hoặc tương tự như môn học "Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp" (dành cho sinh viên chuyên ngành kinh tế nông nghiệp); Kinh tế trang trại (dành cho sinh viên chuyên ngành địa lý kinh tế); ...

## **II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ NỘI DUNG MÔN HỌC**

### **2.1 Đối tượng nghiên cứu**

Môn học quản trị trang trại trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị sản trang trại. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề cơ bản về tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại nhằm đảm bảo đạt được mục đích và mục tiêu hoạt động của trang trại. Các vấn đề cơ bản này bao gồm việc hoạch định; tổ chức, phối hợp, điều khiển quá trình sản xuất; kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và thúc đẩy quá trình sản xuất.

### **2.2 Nội dung môn học**

Môn học gồm có 7 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Khái quát về trang trại

Chương này trình bày khái niệm trang trại và giới thiệu về tình hình phát triển trang trại ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam

Chương 2: Cơ sở khoa học của quản trị trang trại

Chương này giới thiệu khái quát về khái niệm quản trị trang trại, các chức năng và phương pháp quản trị nói chung và quản trị trang trại nói riêng.

Chương 3: Một số lý thuyết kinh tế và ứng dụng

Chương này giới thiệu khái quát về một số lý thuyết kinh tế có liên quan và những ứng dụng của nó trong quản trị trang trại.

Chương 4: Kế hoạch sản xuất kinh doanh trang trại

Chương này cung cấp những kiến thức về hệ thống và tiến trình xây dựng xây dựng kế hoạch trang trại

Chương 5: Quản lý các nguồn lực sản xuất của trang trại

Chương này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý các nguồn lực đất đai, lao động, tài chính và vật tư, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của trang trại

Chương 6: Hạch toán sản xuất trang trại và tổ chức bán sản phẩm

Chương này cung cấp những kiến thức về hạch toán các hoạt động sản xuất kinh doanh của trang trại và những lý thuyết liên quan đến thị trường tiêu thụ sản phẩm

Chương 7: Đánh giá trang trại

Chương này cung cấp những kiến thức về đánh giá toàn diện hệ thống sản xuất của trang trại

### **III. MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN THIẾT**

Để học tốt môn học này, sinh viên cần có một số kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính. Các kiến thức này được hỗ trợ từ các môn học như Kinh tế phát triển, Kinh tế nông nghiệp, Tín dụng nông thôn sẽ hỗ trợ đắc lực cho môn học này.

# Chương 1 (3 tiết)

## KHÁI QUÁT VỀ TRANG TRẠI

### I. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TRANG TRẠI

#### 1.1 Khái niệm trang trại và kinh tế trang trại

FAO (1997), đã đưa ra khái niệm trang trại trên cơ sở khái niệm nông trại. Theo FAO, nông trại (farm) là một mảnh đất mà trên đó nông hộ thực hiện các hoạt động sản xuất nông nghiệp phục vụ cho sinh kế của họ. Nông trại ở khu vực châu Á được chia thành 6 loại hình cơ bản theo mục đích sản xuất, diện tích đất đai và mức độ phụ thuộc.

1. Nông trại gia đình qui mô nhỏ sản xuất theo hướng tự cấp tự túc

Đối với nông trại thuộc loại này, “tự cấp tự túc” (sản xuất để tiêu thụ gia đình) là mục tiêu chủ yếu của nông trại. Có thể có sản phẩm để bán nhưng không đáng kể. Nông trại thuộc loại này thường độc lập với bên ngoài (không chịu tác động của thị trường).

2. Nông trại gia đình qui mô nhỏ, một phần sản xuất hàng hóa.

Mục tiêu của nông trại thuộc loại này là (1) tiêu thụ gia đình thông qua việc sản xuất các nông sản phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày của gia đình và (2) thu nhập tiền mặt thông qua việc bán sản phẩm dư thừa so với yêu cầu tiêu dùng gia đình.

3. Nông trại gia đình qui mô nhỏ, sản xuất chuyên môn hóa và độc lập.

Đặc trưng của nông trại thuộc loại này là chuyên môn hóa trong một số hoạt động sản xuất trồng trọt, chăn nuôi cụ thể. Mục tiêu của nông trại loại này cũng bao gồm sản xuất hàng hóa và tiêu thụ gia đình nhưng ở mức độ chuyên môn hóa.

4. Nông trại gia đình qui mô nhỏ chuyên môn hóa sản xuất nhưng phụ thuộc

Tương tự như loại hình trang trại 3 nhưng có một khác biệt cơ bản là hộ gia đình ít có quyền lực trong việc ra quyết định sản xuất của nông trại. Điều này do một số lý do sau:

- Đất sản xuất của nông trại không thuộc quyền sở hữu của gia đình mà được thuê mượn từ các chủ đất.
- Hộ gia đình phải vay mượn các đầu vào cho sản xuất từ các doanh nghiệp và sản xuất hàng hóa theo yêu cầu của các doanh nghiệp.
- Chịu sự can thiệp của chính phủ vào hoạt động sản xuất của gia đình (qui hoạch vùng sản xuất).

5. Nông trại gia đình sản xuất hàng hóa với qui mô lớn.

Nông trại loại này có qui mô như một trang trại và người hưởng lợi của nông trại là các thành viên trong gia đình, cũng là chủ nông trại mà không phải là người ngoài gia đình làm chủ và hưởng lợi. Mục tiêu hoạt động của nông trại loại này là lợi nhuận thông qua sản xuất hàng hóa bán ra thị trường.

6. Trang trại sản xuất hàng hóa.

Đặc trưng của nông trại thuộc loại này là sản xuất độc canh, diện tích nông trại lớn từ 20 - 200000 ha. Người hưởng lợi chủ yếu của nông trại là người chủ nông trại, họ chỉ làm công tác quản lý, không tham gia lao động trực tiếp trên nông trại. Lao động cho nông trại hoàn toàn được thuê mượn. Lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của nông trại.

Loại hình nông trại thứ 5 và 6 được xem như là trang trại. Như vậy, trang trại là nông trại có qui mô lớn và tập trung vào sản xuất hàng hóa để bán ra thị trường nhằm mục tiêu chủ yếu là tạo lợi nhuận.

Ở nước ta hiện nay, có nhiều nhận thức và quan điểm khác nhau về trang trại và kinh tế trang trại:

Ban kinh tế Trung ương cho rằng " Trang trại là một hình thức tổ chức kinh tế trong nông-lâm-ngư nghiệp phổ biến được hình thành trên cơ sở phát triển kinh tế hộ nhưng mang tính sản xuất hàng hóa rõ rệt".

Tác giả Nguyễn Thế Nhã cho rằng "Trang trại là một loại hình tổ chức sản xuất cơ sở trong nông, lâm, thủy sản có mục đích chính là sản xuất hàng hóa, có tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của một chủ độc lập, sản xuất được tiến hành trên quy mô ruộng đất với các yếu tố sản xuất tiến bộ và trình độ kỹ thuật cao, hoạt động tự chủ và luôn gắn với thị trường.

Theo thông tư liên tịch số 69/2000/TTLT /BNN-TCTK ngày 20/06/2000 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tổng cục thống kê hướng dẫn các tiêu chí xác định trang trại như sau:

1. Giá trị sản lượng hàng hóa và giá trị bình quân một năm đạt từ 40 triệu đồng trở lên đối với các tỉnh phía Bắc và ven biển miền Trung, từ 50 triệu đồng trở lên đối với các tỉnh phía Nam và Tây nguyên.

2. Có qui mô sản xuất tương đối lớn so với mức trung bình của kinh tế hộ tại địa phương, tương ứng với từng ngành sản xuất cụ thể như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với các trang trại trồng cây hàng năm là chủ yếu thì ở miền Bắc và miền Trung phải có diện tích từ 2 ha canh tác trở lên, còn ở các tỉnh Nam bộ phải có diện tích từ 3 ha trở lên.

- Đối với trang trại trồng các loại cây lâu năm và cây ăn quả, thì ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung phải có diện tích từ 3 ha trở lên, ở các tỉnh Nam Bộ phải có diện tích từ 5 ha trở lên.

- Đối với trang trại chăn nuôi như trâu bò phải có từ 50 con trở lên, lợn 100 con trở lên (không kể lợn sữa dưới 2 tháng, gia cầm có từ 2.000 con trở lên (không tính số con dưới 7 ngày tuổi).

- Đối với trang trại lâm nghiệp phải có 10 ha đất rừng trở lên.

- Đối với trang trại nuôi trồng thủy sản phải có từ 2 ha diện tích mặt nước trở lên.

3. Có sử dụng lao động làm thuê thường từ 2 lao động /năm. Nếu lao động thời vụ thì quy mô qui đổi thành lao động thường xuyên

4. Chủ trang trại phải là người có kiến thức, kinh nghiệm về nông, lâm, ngư nghiệp và trực tiếp điều hành sản xuất tại trang trại.

5. Lấy sản xuất hàng hóa làm hướng chính và có thu nhập vượt trội so với trung bình của kinh tế hộ tại địa phương.

Như vậy, nông hộ được xem là cơ sở để hình thành trang trại, một nông hộ bình thường không được xem là trang trại, khi nông hộ phát triển đến một mức độ nhất định hội đủ các tiêu chí trên sẽ được xem là một trang trại. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất trong việc xác định trang trại và phân biệt giữa trang trại và nông hộ sản xuất hàng hóa giữa các vùng khác nhau, cho nên cũng là một hình thức tổ chức kinh tế giống nhau nhưng có nơi gọi là trang trại (như Yên Bái, Bình Dương, Bình Phước), có nơi gọi là hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp (như Sóc Trăng). Vì thế mà số lượng trang trại được thống kê trên cả nước thường không chính xác.

Kinh tế trang trại là một khái niệm khác, phân biệt với khái niệm "trang trại". "Kinh tế trang trại" là tổng thể các yếu tố sản xuất kinh doanh và các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình hoạt động của trang trại. Còn "Trang trại" là nơi kết hợp các yếu tố vật chất của sản xuất và là chủ thể của các mối quan hệ kinh tế đó, trang trại là nơi diễn ra các mối quan hệ.

## 1.2 Các loại hình trang trại

### 1.2.1 Phân loại trang trại theo hình thức tổ chức quản lý

- Trang trại gia đình: là kiểu trang trại độc lập sản xuất kinh doanh của từng gia đình có tư cách pháp nhân riêng, do người chủ hộ hay một người có năng lực và uy tín trong gia đình đứng ra quản lý, còn các thành viên khác trong gia đình tham gia sản xuất. Một trang trại gia

đình thường là một hộ gia đình những cá biệt có trường hợp là của 2 - 3 gia đình. Đây là loại hình trang trại phổ biến nhất trong các loại hình trang trại ở tất cả các nước.

- Trang trại liên doanh là kiểu trang trại do 2 - 3 trang trại gia đình tự nguyện hợp nhất lại thành 1 trang trại lớn hơn với tư cách pháp nhân mới, tăng thêm năng lực về vốn, về tư liệu sản xuất để có sức mạnh cạnh tranh với các trang trại có qui mô lớn khác, và để hưởng ưu đãi của nhà nước đối với các trang trại lớn; nhưng vẫn giữ nguyên chủ điều hành sản xuất của từng trang trại cũ. Có trường hợp chủ trang trại có đất đai nhưng thiếu vốn, đã liên doanh với người có sẵn vốn, ở thành thị để sản xuất kinh doanh chung.

- Trang trại hợp doanh cổ phần, là loại trang trại được tổ chức theo nguyên tắc một công ty cổ phần, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

#### 1.2.2 Phân loại trang trại theo sở hữu tư liệu sản xuất

- Chủ trang trại sở hữu toàn bộ tư liệu sản xuất từ đất đai, chuồng trại, kho bãi đến công cụ máy móc.

- Chủ trang trại sở hữu một phần tư liệu sản xuất còn một phần đi thuê ngoài. Có trang trại có đất đai nhưng phải thuê chuồng trại kho tàng, máy móc để sản xuất.

- Chủ trang trại hoàn toàn không có tư liệu sản xuất mà đi thuê toàn bộ cơ sở của một trang trại để sản xuất.

#### 1.2.3 Phân loại theo phương thức điều hành sản xuất

- Chủ trang trại và gia đình ở ngay trang trại ở nông thôn và trực tiếp điều hành cũng như trực tiếp lao động sản xuất.

- Chủ trang trại và gia đình không ở nông thôn, không ở trang trại mà ở thị trấn, thành phố, nhưng vẫn trực tiếp điều hành trang trại, không thuê người khác quản lý và nhiều khi vẫn trực tiếp lao động sản xuất thường xuyên hay định kỳ. Loại trang trại này hiện nay chưa nhiều nhưng có xu hướng phát triển ở một số nước công nghiệp phát triển.

- Chủ trang trại sống và làm việc ở thành phố, và thuê người quản lý điều hành trang trại ở nông thôn.

- Chủ trang trại nhỏ có ít ruộng đất, ủy thác cho chủ khai thác là bà con, bạn bè quản lý sản xuất từng việc hay toàn bộ từng vụ hay liên tục nhiều vụ.

#### 1.2.4 Phân loại theo cơ cấu sản xuất

- Trang trại có cơ cấu sản xuất kinh doanh tổng hợp nhiều sản phẩm trong đó có sản phẩm chủ yếu: Kết hợp trồng trọt, chăn nuôi; kết hợp nông nghiệp và lâm nghiệp; kết hợp nông nghiệp với ngành nghề ở nông thôn. Loại trang trại này rất phổ biến ở các nước châu Á.

- Trang trại có cơ cấu sản xuất chuyên môn như chuyên chăn nuôi gà, lợn, bò thịt, bò sữa, cây ăn quả,...

- Trang trại sản xuất nông sản có kết hợp với chế biến (sơ chế hay tinh chế)

#### 1.2.5 Theo cơ cấu thu nhập

- Trang trại thuần nông: Thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp trong trang trại bao gồm các trang trại có nguồn thu nhập hoàn toàn hay phần lớn từ nông nghiệp. Số trang trại thuần nông này, ở các nước nông nghiệp phát triển đang giảm đi.

- Trang trại thu nhập chủ yếu ngoài nông nghiệp, ngoài trang trại. Loại trang trại này ở các nước ngày càng tăng và có những tỉ lệ số trang trại kiêm nghiệp này cao hơn số trang trại thuần nông

## II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM.

### 2.1 Tổng quan kinh tế trang trại trên thế giới

Trong lịch sử loài người đã hình thành nhiều loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp khác nhau dựa trên cơ sở chiếm hữu tư liệu sản xuất tối quan trọng là đất đai. Các loại hình sản xuất nông nghiệp chủ yếu của một số nước trên thế giới bao gồm:

- Điền trang lớn: Chủ điền trang nắm toàn bộ quyền sở hữu đất đai. Hình thức tổ chức sản xuất dựa trên quan hệ nô lệ và chủ điền trang.

- Nông nghiệp đồn điền: Chủ đồn điền sở hữu đất đai. Tổ chức quản lý sản xuất do chủ đồn điền đảm nhận, sử dụng lao động theo hình thức thuê và trả lương.

- Trang trại cộng đồng: Đất đai thuộc cộng đồng. Hình thức tổ chức sản xuất theo kiểu làng xã, các gia đình cùng tham gia sản xuất trên đất của cộng đồng.

- Nông nghiệp tập thể hóa: Đất đai là tư liệu sản xuất thuộc tập thể. Hình thức sản xuất theo kiểu tập thể hóa, mang nặng nét đặt trưng của trang trại cộng đồng và trang trại nông nghiệp.

- Trang trại gia đình: Hình thức tổ chức sản xuất dựa trên cơ sở đất đai và lao động của hộ gia đình.

Nhìn chung, các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo kiểu lao động nô dịch, hay lao động làm thuê, cũng như các hình thức lao động tập thể đã thể hiện tính chưa phù hợp. Trong khi đó hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp dựa trên cơ sở xác lập quyền làm chủ sản xuất từng hộ nông dân cho thấy sự phù hợp hơn với đặc thù sản xuất nông nghiệp - gắn người lao động với tư liệu sản xuất và sản phẩm cuối cùng.

Kinh tế trang trại hình thành và phát triển trong điều kiện của nền kinh tế thị trường từ khi phương thức sản xuất tư bản thay thế phương thức sản xuất phong kiến, khi bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở một số nước châu Âu.

Trải qua hàng trăm năm, qua thử thách của thời gian, đến nay các trang trại đã phát triển khắp các nước và khu vực trên thế giới, từ các nước công nghiệp phát triển đến các nước đang phát triển.

Các nước thuộc khu vực châu Âu và Bắc Mỹ kinh tế trang trại phát triển mạnh ở cuối thế kỷ 19.

Ở Vương Quốc Anh, từ cuối thế kỷ XVII, đi vào công nghiệp sớm nhất thế giới, có quan niệm cho rằng, trong nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa, nông nghiệp cũng phải xây dựng các xí nghiệp tập trung qui mô lớn như các xí nghiệp công nghiệp. Vì vậy, từ đầu thế kỷ 19 họ đã thúc đẩy tập trung ruộng đất để lập các xí nghiệp nông nghiệp qui mô lớn. Giữa thế kỷ 19 các trang trại gia đình qui mô nhỏ chiếm tỉ lệ cao. Cuối thế kỷ 19, loại hình này phát triển mạnh. Thời kỳ tiếp theo trang trại gia đình giảm về số lượng nhưng diện tích đất đai lại tăng lên.

Ở các nước Tây Âu khác như Pháp, Tây Đức, có chính sách ruộng đất tạo điều kiện cho trang trại nhỏ phát triển. Cuối thế kỷ 19 ở Châu Âu xảy ra cuộc khủng hoảng nông nghiệp do giá nông sản hạ, trang trại nhỏ ngày càng phát huy được ưu thế của nó. Ở Pháp, năm 1987, số lượng trang trại lên đến 192.000 cơ sở, với diện tích bình quân trên trang trại là 29 ha.

Ở Mỹ, tình hình phát triển trang trại cũng theo xu thế các nước châu Âu nhưng chậm hơn 3 - 4 thập kỷ.

Ở Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan: Trang trại cũng phát triển theo qui luật chung: Khi bước vào công nghiệp hóa thì trang trại phát triển mạnh, khi công nghiệp hóa phát triển mạnh thì trang trại giảm về số lượng nhưng tăng về qui mô.

Ở các nước Thái Lan, Philipin, Ấn Độ là những nước mới bắt đầu đi vào công nghiệp hóa, kinh tế trang trại đang trong thời kỳ tiếp tục tăng về số lượng.

Kinh tế trang trại gia đình ở Trung Quốc:

- Trước cách mạng, ở Trung Quốc có 10% là địa chủ, phú nông; 20% là trung nông; 70% là bần nông. Hơn 3/4 ruộng đất nằm trong tay địa chủ, phú nông.

- Sau cách mạng, nông dân Trung Quốc vào các hợp tác xã nông nghiệp

- Từ cuối thập kỷ 50 và đầu thập kỷ 60, các hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức lại thành công xã nhân dân, một kiểu tổ chức hợp nhất giữa quản lý hành chính, kinh tế, xã hội, tập thể hóa từ sản xuất đến sinh hoạt.

- Cuối năm 1979, Hội Nghị Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc lần thứ IV khóa XI có nghị quyết phát triển kinh tế hộ gia đình và chủ trương khoán sản phẩm đến đội, tổ, nhóm sản xuất (chưa khoán đến hộ nông dân)

- Tháng 9.1982 Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ XII chính thức công nhận cơ chế khoán hộ trong sản xuất nông nghiệp được thuê lao động với mức hạn chế không quá 11 người.

- Hộ chuyên sản xuất từng loại sản phẩm có 25 triệu hộ, trong đó có 180 triệu hộ nông dân (19%) năm 1985.

- Chủ trương khuyến khích làm giàu và để một bộ phận làm giàu lên trước. Điều đó đã kích thích nông dân sản xuất hàng hóa nông sản chuyên môn hóa. Những hộ nông dân sản xuất nhiều nông sản hàng hóa thực chất là những hộ mô hình trang trại ở Trung Quốc - mô hình này đang từng ngày phát triển.

## **2.2 Tình hình phát triển kinh tế trang trại ở nước ta**

### **2.2.1 Lịch sử phát triển kinh tế trang trại ở nước ta**

*Trang trại xuất hiện ở nước ta từ thời nhà Trần*, lúc bấy giờ gọi là điền trang. Năm 1226, triều đình nhà Trần cho phép các vương hầu, công chúa, phò mã, cung phi... triệu tập dân nghèo khổ không có đất làm nô tỳ đi khai hoang miền ven biển, đắp đê ngăn mặn, khai phá đất bồi sông Hồng, lập trang trại (Lịch sử Nông nghiệp Việt Nam).

*Đến thời Hậu Lê*, nhà nước có chủ trương mở rộng khẩn hoang lập đồn điền (tức trang trại). Năm 1481, cả nước có 43 sở đồn điền để cấp cho quan lại và họ hàng nhà vua. Lực lượng sản xuất trong các đồn điền vừa áp dụng chế độ nô tỳ vừa chủ yếu là bóc lột nông dân.

*Đến đời nhà Nguyễn*: Từ năm 1802 - 1855 triều đình đã ban hành 25 nghị quyết về khẩn hoang lập ấp trại xã, phá đất hoang để lập đồn điền. Nhà nước dùng binh lính, hoặc giao cho tư nhân chiêu mộ dân khai hoang lập đồn điền - trang trại - phát canh thu tô.

*Dưới thời thực dân Pháp đô hộ*, chúng đã thực hiện giả tâm khai thác thuộc địa làm giàu cho chính quốc. Năm 1888 Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cho bọn địa chủ thực dân được quyền lập các đồn điền-trang trại. Sau 2 năm (1890), số đồn điền trên khắp cả nước đã lên đến 108 cái, với tổng diện tích 10.898 ha. Đến năm 1912, số đồn điền tăng lên đến 2.350 với tổng diện tích lên đến 470.000 ha. Phương thức kinh doanh của các đồn điền-trang trại chủ yếu là phát canh thu tô.

*Từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến 1974:*

- Ở miền Nam: Vùng địch tạm chiếm các đồn điền tư bản, thực dân vẫn tồn tại và phát triển.

- Ở miền Bắc: Nhà nước tiến hành tịch thu các đồn điền của Thực dân Pháp, địa chủ phản động chia cho cho nông dân và chuyển nhượng một số thành các cơ sở sản xuất nông nghiệp nhà nước như các nông trường, lâm trường quốc doanh. Sau đó các hợp tác xã sản xuất ra đời vào những năm 1958-1960.

*Giai đoạn từ 1975 - 1986*: Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhà nước tiếp tục thu hồi các đồn thực dân và địa chủ và chuyển thành các nông trường quốc doanh. Trong giai đoạn này, hình thức sản xuất nông lâm trường và hợp tác xã sản xuất ngày càng phổ biến và phát triển.

*Từ sau đổi mới (1986) đến nay:* Từ sau khi chính sách khoán 10 của nhà nước được ban hành (năm 1988), hộ gia đình được xem là đơn vị kinh tế tự chủ và nhà nước đã có nhiều chủ trương chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại. Ngày càng nhiều trang trại được hình thành và phát triển trên khắp cả nước.

## 2.2.2 Phát triển kinh tế trang trại ở nước ta trong những năm gần đây

Theo tài liệu của vụ Nông Nghiệp, Tổng cục Thống kê, năm 1989 cả nước có 5.125 trang trại, đến năm 1992 đã tăng lên đến 13.246 trang trại, nhiều gấp 2,5 lần. Đến năm 1999 cả nước có 90.167 trang trại, tăng gấp 6,8 lần so với năm 1992 và gấp 17,3 lần (sau 10 năm) so với năm 1989.

Diện tích đất kinh doanh nông nghiệp trong cùng thời gian 1989-1992 đã tăng từ 22.946 hecta lên 58.282 ha, gấp 2,4 lần. Đến năm 1999 tăng lên khoảng 410.000, gấp gần 7 lần so với năm 1992 và 17 lần so với năm 1989.

Vốn đầu tư của các trang trại trong cả nước nếu tính từ khi mới thành lập ở năm 1989 của 5.215 trang trại có chừng 513,677 tỉ đồng thì tính đến năm 1999 của 90.167 trang trại đã đầu tư đến 18.000 tỉ đồng nhiều gấp 35 lần. Điều đó phản ánh trình độ đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các trang trại trong 10 năm qua đã dần dần tăng lên.

Tổng giá trị sản phẩm bình quân của các trang trại trong năm 1997-2000 được chừng 9.600 tỉ đồng/năm, chiếm 8% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp. Đặc biệt là tỉ suất nông sản hàng hóa của các trang trại ở năm 1992 chiếm 78,6% thì năm 1999 đã tăng lên đến 86,7%

- *Vùng miền núi và trung du :*

Về thực chất đã xuất hiện các trang trại từ trước những năm đổi mới kinh tế, nhưng qui mô còn nhỏ bé dưới hình thức các mô hình kinh tế gia đình kiểu vườn rừng, vườn đồi,... Trong những năm đổi mới, kinh tế trang trại trong vùng phát triển mạnh hơn các vùng khác và hình thành từ 3 dạng chủ yếu : Từ các hộ vùng đồng bằng lên xây dựng vùng kinh tế mới, các hộ vốn là các thành viên của các nông lâm trường, một số tư nhân đến xin nhận hoặc thuê đất lập trang trại để tiến hành sản xuất kinh doanh.

Phương hướng kinh doanh chủ yếu dưới dạng : kinh doanh tổng hợp theo phương thức nông lâm kết hợp ; chuyên trồng cây ăn quả ; chuyên trồng cây công nghiệp, chuyên chăn nuôi đại gia súc, ... và chuyên trồng cây lâm nghiệp.

- *Vùng ven biển :*

Tùy theo điều kiện của từng vùng các nông, ngư trại, .. phát triển theo qui mô và đặc điểm khác nhau. Trong đó, vùng ven biển miền Bắc, miền Đông nam bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã tương đối phát triển và phân thành 2 loại chủ yếu : Kinh doanh lớn chuyên về nuôi trồng hải sản, hộ ít vốn có sự kết hợp nuôi trồng hải sản với sản xuất nông nghiệp. Qui mô ở ven biển Đông nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long gấp 2 - 3 lần vùng ven biển Bắc Bộ. Vùng ven biển miền Trung, sự phát triển các ngư trại còn hạn chế.

- *Vùng đồng bằng :*

Đã xuất hiện các trang trại trồng trọt và chăn nuôi, nhưng quy mô nhỏ trong đó có sự kết hợp với ngành nghề phi nông nghiệp.

Chủ trang trại có cơ cấu xuất thân rất đa dạng, trong đó các chủ trang trại chủ yếu có nguồn gốc từ hộ nông dân làm ăn giỏi là chủ yếu (71,19%), ngoài ra chủ trang trại còn là các thành phần xuất thân khác như cán bộ hưu trí, công chức đương chức nhưng đều xuất thân từ nông dân.

Cho đến năm 2001, cả nước hiện có hơn 100.000 trang trại với qui mô rất khác nhau. Những trang trại nhỏ chỉ chiếm vài ba hoặc hàng chục ha, trong khi đó có những trang trại lớn chiếm đến hàng trăm ha, thậm chí có trang trại chiếm trên 2.000 ha, lớn gấp hàng trăm lần mức hạn điền Luật đất đai đề ra. Tuy nhiên nhìn chung, các trang trại ở nước ta có qui mô

nhỏ dưới mức hạn điền và sử dụng dưới 10 lao động thuê mướn theo thời vụ hoặc theo nhu cầu công việc của trang trại.

### 2.2.3 Những đặc điểm cơ bản của kinh tế trang trại ở nước ta

- Tính chất sản xuất hàng hóa: Sản xuất hàng hóa là chức năng chính của kinh tế trang trại. Tỷ suất hàng hóa cao, thường khoảng trên 70%. Các chỉ tiêu về ruộng đất, vốn, lao động,... lớn hơn nhiều so với kinh tế hộ tiểu nông.
- Chủ trang trại:
  - + Trang trại như là một doanh nghiệp do chủ gia đình là chủ trang trại. Nhiệm vụ của chủ trang trại là điều hành sản xuất và trực tiếp tham gia lao động sản xuất.
  - + Chủ trang trại là người có ý chí làm giàu, có kinh nghiệm và hiểu biết về sản xuất và kinh doanh nông nghiệp, nắm bắt được nhu cầu thị trường.
- Lao động trong trang trại:
  - + Chủ yếu là lao động gia đình.
  - + Một phần lao động thuê mướn hay thuê theo công nhật hoặc hợp đồng theo thời vụ.
  - + Lao động chính thường là chủ trang trại
  - + Tập thể lao động chính và phụ ở đây có mối quan hệ huyết thống, gần gũi như: vợ, chồng, cha, mẹ, anh, em,...
  - + Lao động được tổ chức gọn nhẹ, đơn giản; quản lý, điều hành linh hoạt, dễ dàng, hiệu quả lao động cao.
  - + Lao động thuê ngoài không nhiều, thường cùng ăn cùng làm với chủ trang trại nên dễ tạo ra sự thông cảm với nhau trong công việc cũng như trong hưởng thụ thành quả lao động.
- Khai thác và sử dụng đất đai
  - + Khai thác đất đai trực tiếp bằng sức lao động và kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của gia đình là chính.
  - + Không khai thác đất đai gián tiếp trong hình thức tổ chức nông nghiệp thuê lao động là chính làm cho người lao động không gắn với đất đai.
- Qui mô ruộng đất và phương thức sản xuất
  - + Qui mô ruộng đất lớn hơn nhiều so với mức trung bình của hộ gia đình, liền vùng, liền khoảnh.
  - + Qui mô sản xuất trang trại luôn thay đổi theo thời gian và theo vùng sản xuất.

### 2.2.4 Những thành tựu đạt được và tồn tại của kinh tế trang trại ở nước ta

#### Những thành quả đạt được

- Kinh tế trang trại nước ta mặc dù còn nhỏ bé nhưng đã góp phần phát huy nội lực, khơi dậy được tiềm năng đất đai, lao động, vốn trong dân cư, cho đầu tư phát triển sản xuất nông lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cơ cấu vốn của trang trại chủ yếu là vốn tự có của chủ trang trại chiếm 85%, phần còn lại là vay ngân hàng 8%, vay thân nhân 6% và 1% là do liên kết với doanh nghiệp Nhà nước.
- Kinh tế trang trại góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tạo ra các vùng tập trung, chuyên canh, sản xuất hàng hóa làm tiền đề cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; tạo thuận lợi cho việc đưa công nghiệp, dịch vụ vào nông thôn; tăng tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, cải thiện môi trường sinh thái.
- Đến nay nhiều vùng sản xuất tập trung về cây công nghiệp và cây ăn quả như: cà phê, điều, hồ tiêu, mía, vải thiều,... về chăn nuôi bò sữa, bò thịt, dê, cừu, nuôi tôm,... được hình thành dựa vào phát triển kinh tế trang trại.
- Kinh tế trang trại tạo thêm việc làm, góp một phần giải quyết số lao động dư thừa trong nông thôn, tăng thu nhập cho một phần dân cư, góp phần thúc đẩy việc nâng cao dân trí và đời sống văn hóa ở nông thôn, đặc biệt là ở vùng trung du, miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

Năm 1997, bình quân giá trị thu hoạch sản phẩm trên 1 ha của nhiều trang trại khá cao. Một số trang trại trồng hồ tiêu, thu nhập đạt từ 200 đến 500 triệu đồng/ha ; trang trại nuôi tôm đạt từ 80 đến 150 triệu đồng/ha,... Nhờ đó mà nhiều chủ trang trại đã giàu lên nhanh chóng ; thu nhập của người lao động làm thuê thường xuyên đạt khoảng 300 đến 600 ngàn đồng/tháng ; người làm thu thời vụ nhận được đến 25 000 đồng/ngày

- Kinh tế trang trại gắn với thị trường, phải tham gia cạnh tranh quyết liệt trên thị trường, chính vì vậy, các trang trại có yêu cầu hợp tác, liên kết lại với nhau với kinh tế nhà nước về nhiều mặt để có sức cạnh tranh trên thị trường và cùng nhau chung sức giải quyết các nhu cầu xã hội của người lao động. Mối quan hệ hợp tác sẽ giúp cho các trang trại vượt qua nhiều khó khăn, đặc biệt là vốn đầu tư cho sản xuất, là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế trang trại trong điều kiện hiện nay

#### Những tồn tại

- Đối với hầu hết các trang trại gia đình, trình độ quản lý của chủ trang trại còn nhiều hạn chế, sản xuất chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa chú trọng vào việc áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất. Hầu hết lao động làm thuê cho các trang trại thiếu kiến thức về khoa học kỹ thuật, chưa được đào tạo qua các trường lớp.

- Nhiều trang trại còn lúng túng về phương hướng sản xuất, thu nhập thấp. Ở Yên Bái, năm 1997, thu nhập bình quân một trang trại chỉ có 14,5 triệu đồng.

- Các trang trại đều chưa được thừa nhận về mặt pháp lý nên chưa có tư cách pháp nhân trong quan hệ giao dịch với cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế, nhất là đối với ngân hàng. Thực tế, chủ trang trại chỉ được xem như là một chủ hộ nông dân bình thường, trong khi đó qui mô sản xuất của chủ trang trại lớn gấp trăm thậm chí gấp ngàn lần, nhất là vốn. Thiếu tư cách pháp nhân chủ trang trại chịu thiệt thòi về nhiều mặt, do đó họ chưa yên tâm và không có điều kiện để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Các trang trại đều có qui mô ruộng đất vượt quá hạn điền theo quy định của Luật đất đai hiện hành. Hầu hết quỹ đất của trang trại là do khai hoang, phục hóa và nhận chuyển nhượng từ nguồn vốn và lao động của gia đình, nhưng lại chưa được pháp luật công nhận. Đến nay, Nhà nước vẫn chưa có chính sách về đất đai vượt quá hạn điền của các trang trại nên họ còn rất băn khoăn. Hiện tượng phân tán ruộng đất của các trang trại thành nhiều chủ hoặc chuyển nhượng ngầm còn diễn ra phổ biến.

- Quan hệ giữa trang trại với chính quyền địa phương, các chủ thể kinh tế (nông trường, lâm trường, hợp tác xã nông nghiệp) và các hội nông dân trên địa bàn còn chưa rõ ràng cả về quyền lợi và nghĩa vụ. Ranh giới giữa trang trại và hộ nông sản xuất giỏi chưa được phân định đúng với thực tế và nói chung là chưa rõ ràng.

- Thiếu vốn nghiêm trọng nhưng nhà nước chưa có chính sách tín dụng để hỗ trợ các trang trại nhất là trong những năm đầu thành lập.

- Thiếu kỹ thuật, hoạt động sản xuất của trang trại còn dựa chủ yếu vào kinh nghiệm hơn là áp dụng khoa học kỹ thuật, thiếu máy móc, nông cụ và thiếu lao động lành nghề, nhưng bản thân các trang trại không có điều kiện đào tạo, bồi dưỡng trong khi Nhà nước chưa quan tâm.

- Cơ sở hạ tầng yếu kém, gây khó khăn cho phát triển và mở rộng sản xuất. Hầu hết các trang trại hiện nay được hình thành ở vùng trung du, miền núi đất xấu, địa hình phức tạp, giao thông thủy lợi, điện đều khó khăn. Do đó sản phẩm làm ra nhiều đang mâu thuẫn với khả năng vận chuyển chế biến và tiêu thụ.

- Thị trường và giá cả nông sản chưa ổn định nên nhiều chủ trang trại không muốn mở rộng qui mô sản xuất mặc dù khả năng đất đai, lao động vẫn còn.